

Số: 2712/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố bộ thủ tục hành chính lĩnh vực công thương
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 31/TTr-SCT ngày 15 tháng 8 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này công bố các thủ tục hành chính mới thay thế các thủ tục hành chính về lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện được quy định tại Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

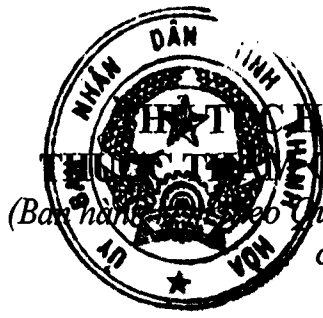
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch UBND cấp huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. HĐND tỉnh,
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Ban PC HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin ĐT tỉnh;
- Công TTCCHC tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, DL, LT.



Nguyễn Duy Bắc



HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND CẤP HUYỆN
(Ban hành theo Quyết định số: 2712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính
A.	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước
1	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
3	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
7	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
9	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
B.	Lĩnh vực An toàn thực phẩm
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp giấy phép và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
- (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;
- (3) Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- (4) Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:
 - Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;
 - Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
 - Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

c2) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố; Thương nhân lưu 01 bộ);

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Nộp bản sao có chứng thực nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện. Nộp bản scan từ bản gốc nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

h)Phí:

- **Trên địa bàn thị xã, thành phố:** 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- **Trên địa bàn huyện:** 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

(1) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

(2) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

(3) Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

(4) Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

(5) Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 23

(Theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: UBND huyện (quận)⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị UBND huyện (quận)⁽¹⁾xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....⁽²⁾

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....⁽³⁾
.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- (1) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;
- (2) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
- (3) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố.

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Nộp bản sao có chứng thực nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện. Nộp bản scan từ bản gốc nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

h) Phí:

- Trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định (nếu có).

- Trên địa bàn các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 50 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

(1) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

(2) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

(3) Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

(4) Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

(5) Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 50

(Kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: UBND huyện (quận).....

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày..... tháng.....năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)⁽¹⁾

...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:⁽²⁾

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm⁽³⁾

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....⁽³⁾

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁴⁾

.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(*họ và tên, ký tên, đóng dấu*)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

⁽⁴⁾: Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

3. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

3.1) Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực.

- Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày, thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố.

3.2) Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ, gồm:

(1) Văn bản đề nghị cấp lại;

(2) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

c2) Số lượng hồ sơ:

- Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá hết thời hạn hiệu lực, hồ sơ: **02 (hai) bộ** (01 bộ gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố, thương nhân lưu 01 bộ).

- Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy; hồ sơ cấp lại: **01 (một) bộ**.

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Nộp bản sao có chứng thực nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện. Nộp bản scan từ bản gốc nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

h) Phí:

- Trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định (nếu có).

- Trên địa bàn các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu Phụ lục 56 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

(1) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

(2) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

(3) Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

(4) Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

(5) Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng

hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 56

(Kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: UBND huyện (quận).....⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾.....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho..... (nếu có).
- 8....*(ghi rõ tên thương nhân)*...kính đề nghị UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do⁽²⁾.....
.....*(ghi rõ tên thương nhân)*..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

⁽²⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

4. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương.

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

(3) Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

(4) Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

(5) Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

(6) Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

c2) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố, thương nhân lưu 01 bộ).

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Nộp bản sao có chứng thực nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện. Nộp bản scan từ bản gốc nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

h) Phí:

- Trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Trên địa bàn các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

(1) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

(2) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

(3) Trục thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

(4) Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

(5) Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

(6) Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

(7) Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP, cụ thể:

- Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu tại cửa hàng bán lẻ trên địa bàn một quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là huyện) được xác định theo nguyên tắc không quá một (01) giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu trên một nghìn (1.000) dân và phù hợp theo quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

- Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn và bán lẻ sản phẩm rượu được cấp trên nguyên tắc thứ tự ưu tiên: Cấp phép kinh doanh sản phẩm rượu cho những thương nhân kinh doanh sản phẩm rượu xin cấp lại giấy phép do hết hạn nếu bảo đảm điều kiện theo quy định, không vi phạm pháp luật; xem xét để tiếp tục cấp phép cho những thương nhân mới nếu bảo đảm đầy đủ điều kiện theo quy định, hồ sơ của thương nhân được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước sẽ được xét cấp trước. Số lượng giấy phép cấp không được vượt quá số lượng giấy phép đã được công bố.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 31

(Theo Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU

Kính gửi: Phòng⁽¹⁾

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ ... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ ... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:⁽³⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:.....⁽⁴⁾.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số...../2012/TT-BCT ngày... tháng... năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- (1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;
- (2) Bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp;
- (3) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

c2) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố, thương nhân lưu 01 bộ).

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Nộp bản sao có chứng thực nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện. Nộp bản scan từ bản gốc nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

h) Phí

- Trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định (nếu có).

- Trên địa bàn các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 33 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

(1) Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

(2) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

(3) Trục thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

(4) Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

(5) Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

(6) Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố;

(7) Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP, cụ thể:

- Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu tại cửa hàng bán lẻ trên địa bàn một quận, huyện, thị xã (sau đây gọi chung là huyện) được xác định theo nguyên tắc không quá một (01) giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu trên một nghìn (1.000) dân và phù hợp theo quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

- Giấy phép kinh doanh phân phối, bán buôn và bán lẻ sản phẩm rượu được cấp trên nguyên tắc thứ tự ưu tiên: Cấp phép kinh doanh sản phẩm rượu cho những thương nhân kinh doanh sản phẩm rượu xin cấp lại giấy phép do hết hạn nếu bảo đảm điều kiện theo quy định, không vi phạm pháp luật; xem xét để tiếp tục cấp phép cho những thương nhân mới nếu bảo đảm đầy đủ điều kiện theo quy định, hồ sơ của thương nhân được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước sẽ được xét cấp trước. Số lượng giấy phép cấp không được vượt quá số lượng giấy phép đã được công bố.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 33

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây*):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức⁽²⁾ sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾ của⁽⁴⁾ sản phẩm rượu có tên sau:⁽⁵⁾

Được phép tổ chức⁽²⁾ sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố⁽⁶⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾.... của
.....⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:⁽⁵⁾
Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố
.....⁽⁶⁾

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:....

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁷⁾..... (ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số...../2012/TT-BCT ngày... tháng.... năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,..;

⁽⁴⁾: Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu

⁽⁵⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

⁽⁶⁾: Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố

⁽⁷⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

6. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

6.1) Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực.

- Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày, thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố.

6.2) Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

a) Trình tự thực hiện:

- Thương nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thị xã, thành phố. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- (1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu;
- (2) Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).

- Thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất).

c2) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ nộp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện, thị xã, thành phố; thương nhân lưu 01 bộ).

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu. Nộp bản sao có chứng thực nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện. Nộp bản scan từ bản gốc nếu nộp hồ sơ qua mạng điện tử.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

h) Lệ phí:

- Trên địa bàn thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định (nếu có).

- Trên địa bàn các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu tại Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Là thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Phụ lục 34

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số...../2012/TT-BCT ngày... tháng.... năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)**

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2) Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

(3): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

PHỤ LỤC

(kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương)

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m², Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, tổ chức, cá nhân phải nộp bản sao có chứng thực.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công (trừ các tổ chức, cá nhân là thành viên thuộc làng nghề sản xuất rượu thủ công);

- Tổ chức, cá nhân đại diện làng nghề sản xuất rượu thủ công.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

h) Phí: Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính:

Mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

(2) Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc hội;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

PHỤ LỤC

(kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương)

Mẫu 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:....(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:..... (ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp.....; Cơ quan cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

8. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng huyện, thị xã, thành phố tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng huyện, thị xã, thành phố xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng **02 ngày làm việc** kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng huyện, thị xã, thành phố có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập **02** bộ Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

- (1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung;
- (2) Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
- (3) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, tổ chức, cá nhân phải nộp bản sao có chứng thực.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công hoặc tổ chức, cá nhân đại diện làng nghề sản xuất rượu thủ công đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ ...)

h) Phí, Lệ phí:

Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính:

Mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục 11 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

(1) Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

(2) Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc hội;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

Phụ lục 11

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...⁽¹⁾

.....⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)**

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

9. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

+ Trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng **02 ngày làm việc** kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: **Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện như trường hợp cấp lần đầu.**

- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực:

- Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi Phòng Kinh tế, Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

(3) Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

(4) Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, tổ chức, cá nhân phải nộp bản sao có chứng thực.

c2) Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy

Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp lại.

(2) Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

Lưu ý: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, tổ chức, cá nhân phải nộp bản sao có chứng thực.

d) Thời hạn giải quyết:

d1) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

d2) Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công hoặc tổ chức, cá nhân đại diện làng nghề sản xuất rượu thủ công đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh(Cấp lại lần thứ...)

h) Phí, Lệ phí:

Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính:

Mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ (nếu có).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương;

- Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục 12 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

(2) Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

(3) Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép **30 ngày**, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh gửi về Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc hội;

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

Phụ lục 12

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...⁽¹⁾

.....⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ :Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp lại Giấy phép

II. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố;

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ quy định tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7 hàng tuần, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định;

- Trình tự cấp Giấy chứng nhận:

+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời gian **03 (ba) ngày làm việc** kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có quyền hủy hồ sơ.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở

Trong thời gian **10 (mười) ngày làm việc**, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp trên ủy quyền thẩm định thực tế tại cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải gửi kết quả thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận;

Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định gồm từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên làm công tác chuyên môn hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên

môn phù hợp tham gia). Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở

Đôi chiếu thông tin và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở;

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm theo Mẫu 3a quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định.

Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 (sáu mươi) ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 4 quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT về Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 (mười) ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục;

Nếu kết quả thẩm định lại vẫn “Không đạt”, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 (một) bản và cơ sở giữ 01 (một) bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận

Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở theo Mẫu 4 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đóng thành **01 quyển**, gồm:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 1 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

(2) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

(3) Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

(4) Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

(5) Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất (bản sao có xác nhận của cơ sở).

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí: Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thảm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 3.000.000 đồng /lần/cơ sở

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 4 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

PHỤ LỤC

(theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương)

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp):.....

Địa chỉ tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số; ngày cấp: ...; Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận) :.....

Công suất, doanh thu:.....

Tổng số cán bộ công nhân viên (trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu (nếu có)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;
- Bản tự đánh giá Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

PHỤ LỤC

(Theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương)

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m², Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

STT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
	Dụng cụ lưu mẫu						
	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):người;

2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:người;

3. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:người;

4. Số người chưa được cấp:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người;

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định.

PHỤ LỤC IV
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC
(Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu 4
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:.....
2. Địa chỉ Cơ sở:.....
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm.... của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ

a) Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Thời gian nộp hồ sơ trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

- Trình tự thực hiện:

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

+ **Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện như trường hợp cấp lần đầu.**

+ Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất:

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. Thời gian trong giờ hành chính vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến sáng thứ 7, trừ ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc qua mạng trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

01 bộ hồ sơ, thành phần hồ sơ như sau:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương.

c2) Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 01 bộ hồ sơ, thành phần hồ sơ như sau:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

(2) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

(3) Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

(4) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm;

(5) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

c3) Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất: 01 bộ hồ sơ, thành phần hồ sơ như sau:

(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

(2) Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

(3) Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi.

d) Thời hạn giải quyết:

d1) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng
07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

d2) Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

d3) Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND cấp huyện.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

h) Phí: Theo Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

- **Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm:** 3.000.000 đồng /lần/cơ sở (đối với trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Mẫu 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 4 quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

PHỤ LỤC

(kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương)

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất (tên giao dịch hợp pháp

Địa chỉ tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số; ngày cấp: ...; Cơ quan cấp:.....

Ngành nghề sản xuất (tên sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận) :.....

Công suất, doanh thu:.....

Tổng số cán bộ công nhân viên (trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu (nếu có)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;
- Bản tự đánh giá Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm.

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

PHỤ LỤC

(kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương)

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:.....
- Chủ cơ sở sản xuất:.....
- Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
- Điện thoại.....Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ CON NGƯỜI

II. 1. Cơ sở vật chất

Diện tích mặt bằng sản xuất:m², Trong đó diện tích để sản xuất:m²;

II. 2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến hiện có

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu						
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và những người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):người;

2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:người;

3. Số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:người;

4. Số người chưa được cấp:

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người;

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người;

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của Chủ cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu trong Bản tự đánh giá về Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định*

PHỤ LỤC

(kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương)

Mẫu 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:....(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:..... (ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp.....; Cơ quan cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC IV
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

(kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

Mẫu 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....*

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:.....
2. Địa chỉ Cơ sở:.....
3. Số điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

T	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm.... của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)